

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 03 - 2022

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đoàn Thân và ông Nguyễn Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 128/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị Huyền T, sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Trần Minh Q, sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Huyền T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Trần Minh Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 06/06/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q thường xuyên rượu chè, bài bạc, lơ đãng, đánh đập vợ con, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, ngột ngạt, không tiếng nói chung. Tháng 08/2019, do không chịu đựng được nên chị đã cùng hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, chị và anh Q cũng sống ly thân từ đó đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm

đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên yêu cầu chị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Q.

Về con chung: chị và anh Q có hai con chung. Các cháu tên là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 27/12/2012 và Trần Đỗ Đài D, sinh ngày 29/07/2016, hiện nay các cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Trần Minh Q đến Toà án để viết bản khai nhưng anh Q không có mặt mà không có lý do nên không có bản khai của anh Q.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và giao các cháu T, D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: chị Đỗ Thị Huyền T đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh Trần Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Đỗ Thị Huyền T khai, chị và anh Trần Minh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/06/2011. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án một bản sao Trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp đề ngày 06/06/2011, trong đó xác định anh Q là chồng chị T. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp.

Cũng theo chị T khai, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q thường xuyên rượu chè, bài bạc, lơ đãng, đánh đập vợ con, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, ngột ngạt, không tiếng nói chung. Năm 2019, do không chịu đựng được nên chị đã cùng hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019, chị và anh Q cũng sống ly thân từ đó đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Theo kết quả xác minh ngày 12/01/2022, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hà Giang, ông Trần

Hồng Sơn là bố đẻ của anh Q cho biết, năm 2012, anh Q có sa đà vào tệ nạn cờ bạc dẫn đến nợ nần và sau đó bị mất việc làm tại Ngân hàng dẫn đến vợ chồng phát sinh bất hòa, nên chị T đã đưa con đi chỗ khác sinh sống, ông bà có động viên khuyên bảo vợ chồng nhiều lần nhưng không được, vợ chồng chị T có quay về đoàn tụ được hay không là do hai bên quyết định. Mặt khác, theo xác nhận của trưởng thôn T, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn T, chị T và anh Q không còn chung sống và quan tâm đến nhau từ tháng 08/2019 đến nay.

Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Q luôn tồn tại mâu thuẫn và một thời gian dài không chung sống với nhau đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị Đỗ Thị Huyền T khai, chị và anh Trần Minh Q có hai con chung, các cháu tên là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 27/12/2012 và Trần Đỗ Đài D, sinh ngày 29/07/2016. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án bản sao hai Giấy khai sinh, trong đó xác định các cháu Trần Thị Thanh T và Trần Đỗ Đài D đều là con chung của chị T và anh Q. Mặt khác, các cháu được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định các cháu Thanh T và Đài D là con chung của chị T và anh Q.

Chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao hai cháu Thanh T và Đài D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án bản xác nhận thanh toán tiền lương các tháng 10,11,12/2021 có xác nhận của Huyện đoàn huyện Hà Trung, thể hiện chị có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác, hiện nay các cháu đang ở với chị, trong đó cháu Thanh T cũng có nguyện vọng được ở với chị; quá trình giải quyết vụ án, anh Q không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, nên giao các cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: chị Đỗ Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Minh Q không có ý kiến gì nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị Đỗ Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Huyền T và anh Trần Minh Q.

2. Về con chung: công nhận các cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 27/12/2012 và Trần Đỗ Đài D, sinh ngày 29/07/2016 là con chung của chị Đỗ Thị Huyền T và anh Trần Minh Q. Giao các cháu Trúc và Duyên cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

3. Về án phí: chị Đỗ Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004228 ngày 22/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Đỗ Thị Huyền T và anh Trần Minh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Bộ

Nguyễn Thị Hương

Đào Văn Nam

